

ĐƠN GIÁ TIỀN LƯƠNG 1 GIỜ DẠY THÊM CỦA GIÁO VIÊN QUẢN LÝ BÁN TRÚ

TT	Họ và tên	Chức vụ/Nhiệm vụ quản lý	Hệ số lương, phụ cấp					Tổng tiền lương của 12 tháng trong năm học	Tiền lương 1 giờ dạy	Tiền lương 01 giờ dạy thêm	Ghi chú		
			Lương	PC vượt khung	PC chức vụ	PC Khu vực	PC thâm niên					PC ưu đãi	Tổng hệ số
1	Phạm Thị Thu Lan	3	4	5	6	7	8	9	10=4+...9	11=10* 2.340.000*12	12=11122%	13=12*150%	
1	Phạm Thị Thu Lan	1A1	2,67				0,16	0,93	3,76	105.712.776	50.053	75.080	
2	Phạm Thị Minh	1A2	5,70				1,82	2,00	9,52	267.293.520	126.559	189.839	
3	Nguyễn Thị Thương Hiền		3,66				0,55	1,28	5,49	154.159.200	72.992	109.488	
4	Đoàn Thị Cẩm	1A3	3,00				0,30	1,05	4,35	122.148.000	57.835	86.753	
5	Trần Thị Loan	1A4	4,00				0,68	1,40	6,08	170.726.400	80.836	121.255	
6	Ngô Thị Hồng Tươi	1A5	3,66		0,20		0,42	1,35	5,64	158.247.648	74.928	112.392	
7	Bùi Thị Thu Thủy	GVAN	2,67				0,21	0,93	3,82	107.212.248	50.763	76.145	
8	Đỗ Thị Liên	GVTA	2,67					0,93	3,60	101.214.360	47.923	71.885	
9	Phạm Thị Hương	GVBM	3,00				0,36	1,05	4,41	123.832.800	58.633	87.949	
10	Hoàng Thị Ngọc Nga	1A8	2,67					0,93	3,60	101.214.360	47.923	71.885	
11	Vũ Thị Hương	1A9	2,34				0,12	0,82	3,28	91.990.080	43.556	65.334	
12	Lê Thị Xuân	1A10	3,33				0,33	1,17	4,83	135.584.280	64.197	96.296	
13	Phạm Thị Xuân Hương	1A11	3,33		0,15		0,35	1,22	5,05	141.691.680	67.089	100.633	
14	Nguyễn Thị Bích Phương	1A12	3,66				0,44	1,28	5,38	151.076.016	71.532	107.298	
15	Đặng Thị Thu Hằng	2A1	3,00				0,30	1,05	4,35	122.148.000	57.835	86.753	
16	Bùi Thị Linh	2A2	4,00				0,44	1,40	5,84	163.987.200	77.645	116.468	
17	Chu Thị Minh	2A3	3,66				0,55	1,28	5,49	154.159.200	72.992	109.488	
18	Phạm Thị Diệu Thúy	2A4	4,34				0,82	1,52	6,68	187.675.488	88.862	133.292	
19	Trần Hoa Quỳnh	2A5	2,34				0,12	0,82	3,28	91.990.080	43.556	65.334	
20	Nguyễn Thị Nghĩa	2A6	5,7		0,20		1,83	2,07	9,79	275.015.520	130.216	195.324	
21	Dương Thị Nhung		4,58				1,15	1,60	7,33	205.770.240	97.429	146.144	
22	Nguyễn Thị Huyền Thương	2A7	2,67				0,19	0,93	3,79	106.462.512	50.408	75.613	
23	Nguyễn Thị Thảo	2A8	2,34		0,15		0,12	0,87	3,49	97.886.880	46.348	69.522	
24	Đỗ Ngọc Phương	2A9	2,67				0,19	0,93	3,79	106.462.512	50.408	75.613	
25	Trần Bích Ngọc	2A10	2,34					0,82	3,16	88.704.720	42.000	63.001	
26	Lê Thị Vân Anh	2A11	2,34					0,82	3,16	88.704.720	42.000	63.001	
27	Hà Thị Oanh	3A1	4,65				1,07	1,63	7,35	206.303.760	97.682	146.523	
28	Tạ Thị Thu Trang	3A2	3				0,30	1,05	4,35	122.148.000	57.835	86.753	
29	Hoàng Thanh Giang	3A3	4				0,48	1,40	5,88	165.110.400	78.177	117.266	

30	Lê Thị Tố Nga	3A4	4,68						1,03	1,64	7,35	206.320.608	97.690	146.535	
31	Bùi Thị Thu Hà		3						0,30	1,05	4,35	122.148.000	57.835	86.753	
32	Trần Thị Bích Diệp	3A5	4,34						0,65	1,52	6,51	182.800.800	86.553	129.830	
33	Nguyễn Thị Minh Tâm		4,34						0,54	1,59	6,67	187.400.304	88.731	133.097	
34	Lê Thị Trâm	3A6								-	-	60.091.200	28.452	42.678	
35	Nguyễn Thị Thùy Hà	3A7	3,66						0,44	1,28	5,38	151.076.016	71.532	107.298	
36	Nguyễn Thị Yến Vân	3A8	2,67							0,93	3,60	101.214.360	47.923	71.885	
37	Hoàng Thị Thu Trang	3A9	3						0,32	1,10	4,57	128.255.400	60.727	91.090	
38	Ngô Quế Chi	3A10	2,67						0,19	0,93	3,79	106.462.512	50.408	75.613	
39	Trần Hải Bình	3A11	2,67						0,19	0,93	3,79	106.462.512	50.408	75.613	
40	Hoàng Thị Mai Thùy	3A12	4,38						1,19	1,60	7,37	207.056.304	98.038	147.057	
41	Tây Thị Xuân		3						0,30	1,05	4,35	122.148.000	57.835	86.753	
42	Nguyễn Thị Hạnh Nguyễn	4A1	2,34							0,82	3,16	88.704.720	42.000	63.001	
43	Hoàng Thị Thùy	4A2	3,33						0,33	1,17	4,83	135.584.280	64.197	96.296	
44	Nguyễn Thị Hoa Quỳnh	4A3	4,34						0,91	1,52	6,77	190.112.832	90.016	135.023	
45	Nguyễn Thị Thùy	4A4										60.091.200	28.452	42.678	
46	Phạm Minh Huệ	4A5	2,46						0,15	0,86	3,47	97.398.288	46.117	69.175	
47	Bùi Lê Bích Thảo	4A6	4,34						0,59	1,59	6,72	188.675.136	89.335	134.002	
48	Dương Thị Loan	4A7	4,65						1,16	1,63	7,44	208.915.200	98.918	148.377	
49	Bùi Thị Lệ	4A8	4,34						0,49	1,57	6,56	184.075.632	87.157	130.736	
50	Trần Thị Vân	4A9	2,34							0,82	3,16	88.704.720	42.000	63.001	
51	Vũ Thị Hương	4A10	3						0,27	1,05	4,32	121.305.600	57.436	86.155	
52	Nguyễn Thị Thu Thùy	4A11	2,26							0,79	3,05	85.672.080	40.564	60.847	
53	Lê Thị Thanh	4A12	2,34						0,12	0,82	3,28	91.990.080	43.556	65.334	
54	Vũ Thu Trang	4A13	2,34						0,12	0,82	3,28	91.990.080	43.556	65.334	
55	Hoàng Thị Hạnh	5A1	5,02						1,46	1,76	8,23	231.177.024	109.459	164.188	
56	Vũ Thị Hằng	5A2	3,33						0,33	1,17	4,83	135.584.280	64.197	96.296	
57	Nguyễn Phương Thanh	5A3	3,99						0,63	1,47	6,29	176.482.800	83.562	125.343	
58	Phạm Thị Thu Hương	5A4	3,33						0,33	1,17	4,83	135.584.280	64.197	96.296	
59	Nguyễn Thị Thu Hương	5A5	5,36						1,55	1,88	8,79	246.834.432	116.872	175.309	
60	Nguyễn Thị Hương Thảo	5A6	5,02						1,46	1,76	8,23	231.177.024	109.459	164.188	
61	Nguyễn Thị Hải Hà	5A7	2,67						0,19	0,93	3,79	106.462.512	50.408	75.613	
62	Nguyễn Trung Đức	5A8	2,67						0,19	0,93	3,79	106.462.512	50.408	75.613	
63	Bùi Thị Thắm	5A11	3,33						0,33	1,17	4,83	135.584.280	64.197	96.296	
64	Phạm Thị Hạnh	5A12	3,33						0,33	1,17	4,83	135.584.280	64.197	96.296	
65	Nguyễn Thị Phương	5A10	2,67						0,21	0,93	3,82	107.212.248	50.763	76.145	
66	Vũ Thị Kim Hương	5A13	2,67						0,77	0,93	4,38	122.956.704	58.218	87.327	

67	Lê Thị Loan	5A9	4,34				0,65	1,52	6,51	182.800.800	86.553	129.830	
68	Phùng Thị Thùy Linh	5A14	4,34				0,56	1,52	6,42	180.363.456	85.399	128.099	
69	Vũ Thị Hòa	5A15	3,33				0,33	1,17	4,83	135.584.280	64.197	96.296	
	Tổng cộng		230,08		-	1,60	-	31,92	81,09	344,69	9.799.139.376	4.639.744	6.959.616
	<i>Đơn giá bình quân 1 giờ dạy thêm/ 1 giáo viên</i>											78.198	

B	CB quản lý												
1	Trần Thị Tâm	HP	5,36	0,40		1,5552		2,016	9,331	262.020.096	124.063	186.094	
2	Vũ Thị Kim Nhung	HP	5,02	0,40		1,1924		1,897	8,509	238.943.952	113.136	169.705	
	Tổng cộng		10,38	0,8	0	2,7476	0	3,913	17,841	500.964.048	237.199	355.798	

C	 NHÂN VIÊN												
1	Nguyễn Thị Thu Hằng	KT	3,33	0,2				0,1		3,630	101.930.400	48.263	72.394
2	Vũ Thị Thanh Huyền	Yc	2,86					0,1		2,860	80.308.800	38.025	57.038
3	Nguyễn Trung Đức	Thủ quỹ	2,67							3,605	101.214.360	47.923	71.885
	Tổng cộng		6,19		-			0,2	-	10,09		608.609	201.316

Bình quân 1 giờ làm thêm

Kế toán

Nguyễn Thị Thu Hằng

